

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 364 /KL-TTCP

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

**Về trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong
giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và
doanh nghiệp tại Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/12/2023, Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Quyết định số 756/QĐ-TTCP về việc thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh Đồng Nai, giai đoạn từ ngày 15/6/2021 đến ngày 30/11/2023 (sau đây viết tắt là giai đoạn 2021- 2023). Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra; Báo cáo thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra của Cục Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra (Báo cáo số 265/BC-GSTĐXLSTT ngày 30/9/2024); ý kiến tham gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Văn bản số 431/BTNMT-VP ngày 20/9/2024); Tổng Thanh tra Chính phủ kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây viết tắt là Bộ TN và MT) là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; tài nguyên nước; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ... Bộ TN và MT có 89 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết và phân công cho 14 tổ chức thuộc Bộ làm đầu mối, tiếp nhận, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công (DVC) cho người dân và doanh nghiệp như sau: Văn phòng là đơn vị thường trực, đầu mối tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC), kiểm soát TTHC của Bộ TN và MT; tiếp nhận, phân loại, chuyển các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức qua Cổng DVC quốc gia đến các đơn vị để xử lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; tổ chức, triển khai thực hiện công tác kiểm soát, cải cách TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ. Ngoài ra, có 13 đơn vị thuộc Bộ trực tiếp giải quyết TTHC, cung cấp DVC cho cá nhân, tổ chức trong 9 lĩnh vực: Môi trường, khoáng sản và địa chất, đất đai, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, viễn thám.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước, giải quyết TTHC, cung cấp DVC (tại một số lĩnh vực: môi trường, khoáng sản, biển và hải đảo, tài nguyên nước, đo đạc bản đồ, chỉ kiểm tra về trình tự giải quyết, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ; không kiểm tra chất lượng hồ sơ) cho thấy:

1. Về công tác quản lý nhà nước trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC

1.1. Về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Theo báo cáo của Bộ TN và MT (Báo cáo số 249/BTNMT-TTr ngày 15/01/2024; Báo cáo số 916/BTNMT-TTr ngày 06/02/2024; Văn bản số 380/VP-KSTTHC ngày 08/3/2024), giai đoạn 2021- 2023, Bộ TN và MT đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 76/85 văn bản quy phạm pháp luật (năm 2021 hoàn thành 27/30 văn bản, năm 2022 hoàn thành 26/27 văn bản, năm 2023 hoàn thành 23/28 văn bản).

Kiểm tra cho thấy, trong số 85 văn bản quy phạm pháp luật (văn bản QPPL) nêu trên (03 luật, 17 nghị định, 59 thông tư, 06 quyết định), có 28 văn bản đã ban hành nhưng chậm so với kế hoạch, chiếm 33% (06 văn bản QPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao¹; 22 văn bản thuộc kế hoạch của Bộ TN và MT); 07 văn bản chưa hoàn thành và chậm tiến độ theo kế hoạch của Bộ TN và MT, chiếm 8,2%.

1.2. Việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết TTHC

a) Về việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

(1) Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025, Bộ TN và MT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ. Theo đó, giai đoạn 2021-2025, Bộ TN và MT sẽ phải cắt giảm, đơn giản hóa 82 TTHC. Tính đến thời điểm 31/12/2023, Bộ TN và MT đã thực hiện phương án đơn giản hóa được 71/82 TTHC, đạt 86%.

Qua kiểm tra cho thấy, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP, trong đó yêu cầu các bộ phải xây dựng, ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trước ngày 31/01 hàng năm và gửi Văn phòng Chính phủ để theo dõi (năm 2020, ban hành trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP), tuy nhiên, đến ngày 16/6/2020, Bộ TN và MT mới ban hành Kế hoạch thực hiện. Từ năm 2021-2023, Bộ TN và MT không ban hành Kế hoạch riêng mà lồng ghép trong kế hoạch Kiểm soát TTHC, CCHC của Bộ.

Ngoài ra, Bộ TN và MT chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc một số nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết số 68/NQ-CP như sau:

(i) Việc “tổng hợp, báo cáo kết quả thống kê, tính chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ trước ngày 31 tháng 10 năm 2020”, Bộ TN và MT chưa thực hiện.

(ii) Việc “Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan... rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa...; xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa... trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 10 năm 2020, từ năm 2021 đến năm 2025 trình Thủ tướng Chính phủ phương án theo hai đợt: đợt một trước ngày 30 tháng 5 và đợt hai trước

¹Nghị định quy định chi tiết việc thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, xây dựng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải trình Chính phủ vào tháng 1/2021, tuy nhiên đến 09/02/2021 Bộ TN và MT mới có Tờ trình số 06/TTr-BTNMT; Nghị định sửa đổi, bổ sung NĐ số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 phải trình trong tháng 8/2021, đến tháng 9/2021 Bộ TN và MT có Tờ trình số 58/TTr-TNMT; trình đề nghị xây dựng: Luật Tài nguyên nước; Luật Khoáng sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các NĐ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; quyết định của Thủ tướng CP quy định thí điểm về trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng CP ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

ngày 30 tháng 9 hàng năm”, Bộ TN và MT chưa kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến Bộ trước ngày 31/10/2020, do đó, đến ngày 16/6/2022, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 721/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN và MT; Bộ TN và MT không phê duyệt cho từng năm, cũng như theo giai đoạn “đợt một trước ngày 30 tháng 5 và đợt hai trước ngày 30 tháng 9 hàng năm”.

(iii) Việc “tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa... trong 6 tháng và một năm, gửi Văn phòng Chính phủ để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày 25 tháng 6 và trước ngày 25 tháng 12 hàng năm”, Bộ TN và MT chưa thực hiện các kỳ báo cáo năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022.

(2) Qua kiểm tra trên Cổng tham vấn thấy, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa tiến hành tham vấn các hiệp hội, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh khi xây dựng Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, là thực hiện không đúng quy định tại điểm b mục 8 Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2021.

b) Về việc rà soát đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

Việc Bộ TN và MT thực hiện các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ:

(1) Trước ngày 01/11/2022, Bộ TN và MT phải ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giai đoạn 2022-2025, tuy nhiên đến ngày 19/12/2022, Bộ TN và MT mới ban hành Kế hoạch (Quyết định số 3568/QĐ-BTNMT ngày 19/12/2022).

(2) Trước ngày 01/4/2023, Bộ TN và MT phải ban hành Quyết định công bố TTHC nội bộ, tuy nhiên Bộ TN và MT đã ban hành chậm (Quyết định số 3468/QĐ-BTNMT ngày 24/11/2023 về việc công bố TTHC nội bộ lĩnh vực đất đai trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TN và MT; Quyết định số 3469/QĐ-BTNMT ngày 24/11/2023 về việc công bố TTHC nội bộ lĩnh vực tài nguyên nước trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 3874/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 về việc công bố TTHC nội bộ lĩnh vực biến đổi khí hậu trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TN và MT, ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước của các bộ, ngành đối với lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu.

(3) Giao Bộ TN và MT rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên, cụ thể là thủ tục phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, đất quốc phòng-an ninh) và thủ tục điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thuộc lĩnh vực quản lý đất đai, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án trước ngày 01/10/2023, tuy nhiên đến thời điểm thanh tra Bộ TN và MT chưa trình phương án.

(4) Đối với TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước không thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa theo tiến độ như sau: Lần 1 trình trước ngày 01/01/2024; Lần 2 trình trước ngày 01/01/2025, tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra, Bộ TN và MT chưa trình phương án đơn giản hóa lần 1.

c) Về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

Qua kiểm tra cho thấy, Bộ TN và MT đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung 08/10 văn bản theo yêu cầu của Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN và MT; còn lại 02/10 văn bản, trong đó, có 01 văn bản đã sửa đổi, bổ sung một phần², 01 văn bản chưa sửa đổi, bổ sung³.

1.3. Về việc rà soát, kiểm soát TTHC

(1) *Về việc đánh giá tác động TTHC và thực hiện chế độ báo cáo:*

Qua kiểm tra cho thấy, giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT đã thực hiện đánh giá tác động đối với 08 dự thảo văn bản QPPL, trong đó có 06/8 văn bản QPPL⁴ chưa thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc đánh giá tác động TTHC trong quá trình đề nghị xây dựng, soạn thảo dự án, dự thảo văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực phát thải khí nhà kính, đất đai, môi trường, khoáng sản. Năm 2021, Bộ TN và MT chậm Báo cáo đánh giá tác động TTHC trong đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL gửi Bộ Tư pháp; năm 2023, Bộ TN và MT chưa thực hiện kiểm đếm, thống kê số TTHC được thẩm định trong Báo cáo đánh giá tác động TTHC và Báo cáo công tác kiểm soát TTHC.

(2) *Về việc thẩm định đối với quy định TTHC:* Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TN và MT đã được Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thẩm định về TTHC (Báo cáo thẩm định ngày 28/9/2022) nêu: "*Dự thảo Thông tư quy định TTHC nhưng không phát sinh thêm TTHC*", là còn chung chung, chưa thể hiện ý kiến rõ ràng về nội dung các TTHC trong dự thảo Thông tư, gây khó khăn cho quá trình thực hiện.

(3) *Về việc công bố Danh mục TTHC:*

Trong giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT đã ban hành 26 Quyết định và đăng tải công bố, công khai các TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (ban hành mới 06 TTHC; sửa đổi, bổ sung 234 TTHC; thay thế 02 TTHC; bãi bỏ 05 TTHC).

² Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp, quản lý chứng chỉ giá đất.

³ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

⁴ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản; dự thảo Thông tư ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

Qua kiểm tra cho thấy: Bộ TN và MT có 06/26 quyết định công bố Danh mục TTHC chậm⁵ theo quy định đối với các lĩnh vực như: đất đai, môi trường và tài nguyên nước, khoáng sản, biển và hải đảo. Ngoài ra, có 02 Quyết định công bố thể hiện không chính xác nội dung quy định về TTHC (Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 và Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023), trong đó quy định thời hạn giải quyết của TTHC theo "ngày làm việc", là không phù hợp với quy định là "ngày" tại Luật Bảo vệ môi trường (đã khắc phục tại Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022) và Luật khoáng sản 2010, là thực hiện không đúng quy định tại Điều 15 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết TTHC, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

(4) Về việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

Qua kiểm tra cho thấy, Báo cáo thẩm định số 139/BCTĐ-BTP ngày 29/8/2022 của Bộ Tư pháp đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước nêu: "Một số TTHC quy định hình thức nộp hồ sơ qua DVC trực tuyến. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các hình thức về hồ sơ, giấy tờ cho phù hợp với hình thức gửi trực tuyến (ví dụ: hồ sơ tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33...)", tuy nhiên Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa thể hiện việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định nêu trên (Báo cáo số 121/BC-BTNMT ngày 28/9/2022).

1.4. Về công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện công vụ trong giải quyết TTHC và cung cấp DVC

Qua kiểm tra cho thấy, giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên đề về trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ hành chính công (Bộ TN và MT báo cáo thực hiện nội dung thanh tra công vụ lồng ghép trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên hàng năm).

2. Về việc giải quyết TTHC

2.1. Việc tổ chức vận hành bộ phận một cửa và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Theo báo cáo của Bộ TN và MT, thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện số hóa đối với các hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, ước tính đạt khoảng 30% tổng số các hồ sơ TTHC, kết quả được công khai trên Cổng DVC của Bộ (năm 2021 công khai kết quả bản điện tử 1.600/2.090 hồ sơ giải quyết TTHC được công khai, đạt 76,5%; năm 2022 công khai 1.608/2.654 hồ sơ, đạt 60,6%; năm 2023 công khai 1.946/2.532 hồ sơ, đạt 76,8%).

⁵(1) Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/08/2021 về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế trong lĩnh vực đất đai; (2) Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 về việc công bố TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; (3) Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TN và MT; (4) Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ TN và MT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN và MT; (5) Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ TN và MT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo Việt Nam; (6) Quyết định số 4263/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ TN và MT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai.

Qua kiểm tra việc tổ chức, vận hành Văn phòng Một cửa cho thấy, tại đây bố trí 03 công chức làm việc thường xuyên để tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC thuộc các lĩnh vực môi trường, địa chất - khoáng sản. Các lĩnh vực còn lại không bố trí công chức làm việc thường xuyên tại Văn phòng Một cửa. Việc bố trí công chức và trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa thuộc Bộ TN và MT như trên chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 10 và Điều 13 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Công chức tại Văn phòng Một cửa chưa thực hiện việc số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

2.2. Về việc tiếp nhận, giải quyết TTHC

Kiểm tra xác suất việc tiếp nhận hồ sơ; điều kiện, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện; về thời gian giải quyết TTHC, việc công khai kết quả giải quyết đối với một số hồ sơ giải quyết TTHC trong một số lĩnh vực như: môi trường, khoáng sản, biển và hải đảo, tài nguyên nước, đo đạc bản đồ cho thấy:

a) Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC

Theo báo cáo, giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT tiếp nhận 20.099 hồ sơ giải quyết TTHC, trong đó, tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính là 9.165 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến là 7.068/20.099 hồ sơ, đạt 35,1%; đã giải quyết là 16.068 hồ sơ, trong đó, quá hạn là 1.148 hồ sơ, chiếm 7,15%; đang giải quyết là 4.031 hồ sơ, trong đó, quá hạn là 93 hồ sơ, chiếm 2,3%.

Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC tại một số lĩnh vực như sau:

(1) Về lĩnh vực môi trường:

Theo báo cáo của Vụ Môi trường và Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường (trước ngày 01/01/2023 là Tổng cục Môi trường), đã tiếp nhận tổng số 3.362 hồ sơ (1.374 hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM và 1.988 hồ sơ cấp mới, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường), trong đó: có 128 hồ sơ nhận trực tuyến, đạt 3,8% (hồ sơ ĐTM đạt 3,2%, hồ sơ Giấy phép môi trường đạt 4,2%), không đạt yêu cầu là 50%; đã giải quyết 2.751 hồ sơ, đã trả kết quả quá hạn là 445 hồ sơ, chiếm 16,2% (hồ sơ ĐTM chậm 211/1374, chiếm 15,3%, hồ sơ Giấy phép môi trường quá hạn 234/1377, chiếm 17%).

(2) Về lĩnh vực khoáng sản:

Theo báo cáo của Cục Khoáng sản Việt Nam (trước ngày 01/01/2023 là Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam), từ ngày 15/6/2021 đến ngày 30/11/2023, đã tiếp nhận 843 hồ sơ (tiếp nhận trực tiếp là 843 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến: 0); đã giải quyết là 412 hồ sơ (đúng hạn là 297 hồ sơ, đạt 72,1%; quá hạn là 115 hồ sơ, chiếm 27,9%), đang xử lý là 431 hồ sơ (trong hạn là 414 hồ sơ; quá hạn là 17 hồ sơ, chiếm 3,94%).

Có 03 hồ sơ⁶ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, sau khi tiếp nhận, Bộ TN và MT không đăng tải lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu, là thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản: "... Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản... và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu...".

(3) *Về lĩnh vực tài nguyên nước:* Theo Cục Quản lý tài nguyên nước báo cáo, Cục đã tiếp nhận 717 hồ sơ lĩnh vực tài nguyên nước (trong đó, tiếp nhận trực tiếp là 441 hồ sơ; trực tuyến là 180 hồ sơ, đạt 25,1%; từ kỳ trước chuyển sang là 96 hồ sơ); đã trả kết quả 603 hồ sơ (trả kết quả đúng hạn là 494 hồ sơ; đúng hạn là 108 hồ sơ; quá hạn là 01 hồ sơ, chiếm 0,1%).

(4) *Về lĩnh vực biển và hải đảo:* Theo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam báo cáo, Cục đã tiếp nhận là 51 hồ sơ TTHC trong lĩnh vực biển và hải đảo (tiếp nhận trực tiếp là 43 hồ sơ, trực tuyến không phát sinh hồ sơ, từ kỳ trước chuyển sang là 08 hồ sơ); đã trả kết quả 42 hồ sơ (trong đó, trả kết quả đúng hạn là 25 hồ sơ; quá hạn là 17 hồ sơ, chiếm 40,4%); đang giải quyết là 9 hồ sơ, có 03 hồ sơ quá hạn, chiếm 33,3%, là thực hiện không đúng khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(5) *Về lĩnh vực đo đạc và bản đồ:* Theo Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam báo cáo, Cục đã tiếp nhận 10.377 hồ sơ TTHC trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ (nhận trực tiếp là 3.834 hồ sơ, trực tuyến là 6.515 hồ sơ, đạt 62,7%); đã trả kết quả đúng hạn 10.059 hồ sơ; quá hạn là 318 hồ sơ, chiếm 3%.

b) Về điều kiện, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện

(1) *Về lĩnh vực môi trường:* (i) Tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN và MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định: đối với trường hợp kết quả thẩm định báo cáo ĐTM thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung nhưng chủ dự án đầu tư vẫn phải thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án theo quy định và nộp lại Văn phòng một cửa của Bộ TN và MT như lần đầu. Quy định này làm phát sinh thêm thủ tục và thời gian giải quyết TTHC đối với tổ chức, cá nhân. (ii) Bộ TN và MT chưa quy định mẫu "văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường" đối với trường hợp kết quả thẩm định báo cáo ĐTM được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, dẫn đến, khó khăn trong quá trình thực hiện của tổ chức, các nhân.

(2) *Về lĩnh vực khoáng sản:*

Bộ TN và MT (Cục Khoáng sản VN) thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan trước khi tiến hành kiểm tra thực địa khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho các công ty (Công ty TNHH Xây dựng thương mại Bất động sản Minh Nhật Phát khai thác đá granit làm ốp lát tại khu vực Đảnh Thạnh, xã Bình Lộc, huyện

⁶Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Đông Bắc thăm dò Puzzolan tại khu vực Núi Lẻ, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận thăm dò đá granit làm ốp lát khu vực núi Mavieck 5, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty Cổ phần tập đoàn Xuân Khiêm về thăm dò đá sét làm nguyên liệu xi măng tại xã Hữu Lợi, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; Cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH khoáng sản và xây dựng HAT khai thác mỏ kaolin - feldspar tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ), là thực hiện không đúng quy định tại khoản 2 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: “a) Trong thời gian không quá 25 ngày kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích... cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản”.

Bộ TN và MT yêu cầu Công ty cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận nộp tài liệu hoàn thiện Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò thăm dò đá granit làm ốp lát khu vực núi Mavieck 5, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận ở tất cả 03 bước đầu tiên⁷, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Đông Bắc thăm dò Puzolan tại khu vực Núi Lé, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có báo cáo tài chính gửi kèm không hợp lệ (thiếu chữ ký của người lập và kế toán trưởng) nhưng vẫn được cấp giấy phép, là thực hiện không đúng quy định về yêu cầu điều kiện cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại khoản 1 Điều 35 và Điều 40 của Luật Khoáng sản; điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; Hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển khoáng sản Yên Bái khai thác mỏ đá hoa khu vực Minh Tiến II, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Khu vực mỏ đá hoa có giai đoạn quy hoạch 2008-2015 (Quyết định số 47/2008/QĐ-BCT ngày 17/12/2008), thời điểm Công ty xin cấp giấy phép đã quá thời kỳ quy hoạch khoáng sản, nhưng hồ sơ vẫn được chấp thuận, là thực hiện không đúng quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 53 Luật Khoáng sản về yêu cầu điều kiện cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

c) Về thời gian giải quyết TTHC

(1) Về lĩnh vực môi trường:

Bộ TN và MT (Văn phòng Tiếp nhận và trả kết quả) ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ và ghi thời hạn trả lời tính hợp lệ hồ sơ là 07 ngày đối với 05 hồ sơ⁸ thẩm định báo cáo ĐTM và 02 hồ sơ⁹ cấp Giấy phép môi trường, là thực hiện không đúng quy định tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố TTHC mới ban hành; TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ TN và MT (Quyết định không quy định về thời hạn kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ), dẫn đến, việc giải quyết TTHC kéo dài thêm

⁷03 bước, gồm: bước 1: tiếp nhận hồ sơ và lấy ý kiến chuyên gia, bước 2: tổng hợp ý kiến chuyên gia và gửi hội đồng thẩm định; bước 3: hội đồng thẩm định họp kết luận, yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu cần thiết; bước 4: Bộ TN và MT gửi văn bản yêu cầu đơn vị cung cấp tài liệu, hoàn thiện hồ sơ.

⁸Dự án Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh vận hành quản lý công trình kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Tiên Cường II; Dự án khai thác đá sét làm nguyên liệu xi măng của Công ty Cổ phần xi măng Đại Dương, Thanh Hóa; Dự án khu phố thương mại, dịch vụ tổng hợp và công viên khoáng nóng wyndam Thanh Thủy; Dự án Nhà máy sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử tại Thái Nguyên (dự án điều chỉnh); Dự án Trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao kết hợp trồng cây và nuôi trồng thủy sản của Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Thái Nguyên.

⁹Dự án Nhà máy sản xuất giấy Minh Hưng, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Dự án Nhà máy sản xuất giấy bao bì, thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

07 ngày không đúng quy định, từ đó kéo dài thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân, phát sinh chi phí TTHC.

Có 07 hồ sơ¹⁰ thời gian giải quyết bị quá hạn, là thực hiện không đúng quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) 2014; khoản 6 và khoản 9 Điều 34 Luật BVMT 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020. Có 05 hồ sơ¹¹ thời gian giải quyết bị quá hạn, là thực hiện không đúng về thời hạn giải quyết cấp giấy phép môi trường được quy định tại khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

(2) *Về lĩnh vực khoáng sản:* Việc Bộ TN và MT cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận thăm dò đá granit làm ốp lát khu vực núi Mavieck 5, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận quá hạn 140 ngày, là thực hiện không đúng về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Khoáng sản; Điều 58 và Điều 59 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

(3) *Về lĩnh vực biển và hải đảo:*

Có 05 hồ sơ¹² giao khu vực biển cho tổ chức cá nhân thời gian giải quyết bị quá hạn, là thực hiện không đúng quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định 11/2021/NĐ-CP ngày 10/2/2021 của Chính phủ quy định về việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ TN và MT về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ TN và MT.

Có 03 hồ sơ¹³ thời gian giải quyết bị quá hạn nhưng Bộ TN và MT (Cục Biển và Hải đảo VN) không ban hành phiếu xin lỗi, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Quyết định số

¹⁰ Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh vận hành quản lý công trình kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Tiên Cường II (giải quyết quá hạn 31 ngày); Dự án Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp Đông Triều giai đoạn I (giải quyết quá hạn 03 ngày); Dự án Nhà máy sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử tại Thái Nguyên (giải quyết quá hạn 07 ngày); Dự án Trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao kết hợp trồng cây và nuôi trồng thủy sản của Công ty Cổ phần chăn nuôi công nghệ cao Thái Nguyên (giải quyết quá hạn 29 ngày); Dự án Nhà máy sản xuất dây thép đen và dây thép mạ tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên (giải quyết quá hạn 32 ngày); Dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện và khung thép tiền chế, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (giải quyết quá hạn 13 ngày); Dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Cộng Hòa, Tp Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

¹¹ Dự án nhà máy sản xuất giấy Việt Mỹ (giải quyết quá hạn 25 ngày); Dự án khai thác lộ thiên mỏ than Đồng RI - Công ty TNHH MTV tổng công ty Đông Bắc (giải quyết quá hạn 46 ngày); Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Quang Châu" (giải quyết quá hạn 25 ngày); Dự án Nhà máy sản xuất giấy Minh Hưng, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (giải quyết quá hạn 18 ngày); Dự án Nhà máy sản xuất giấy bao bì, thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (giải quyết quá hạn 71 ngày).

¹² Hồ sơ giao khu vực biển cho công ty cổ phần Super Wind Energy Công Lý Bạc Liêu để khai thác năng lượng gió thuộc dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III (giải quyết quá hạn 126 ngày làm việc); Hồ sơ giao khu vực biển cho dự án đầu tư xây dựng cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng (giải quyết quá hạn 163 ngày làm việc); Hồ sơ giao khu vực biển cho Công ty Cổ phần liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy (giải quyết quá hạn 41 ngày làm việc); Hồ sơ giao khu vực biển của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, Cảng Lạch Huyện, Cát Hải, TP Hải Phòng (giải quyết quá hạn 216 ngày làm việc); Hồ sơ giao khu vực biển cho Công ty cổ phần điện gió Mê Kông để thực hiện dự án điện gió Bình Đại số 2, xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (giải quyết quá hạn 104 ngày làm việc).

¹³ Hồ sơ giao khu vực biển cho dự án đầu tư xây dựng cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng; Hồ sơ cấp giấy phép nhận chìm của Dự án "công trình nạo vét duy tu, luồng hàng hải Hải Phòng 2022-2025 (kênh Hà Nam- Bạch Đằng- Sông Cấm); Hồ sơ cấp Giấy phép nhận chìm ở biển cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

1868/QĐ-BTNMT ngày 24/8/2020 của Bộ TN và MT về việc ban hành quy chế tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa.

(4) *Về lĩnh vực đo đạc và bản đồ*: có 03 hồ sơ¹⁴ cấp giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ thời gian giải quyết bị quá hạn, là thực hiện không đúng quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Đo đạc và Bản đồ 2018; Điều 31, 32, 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

d) Về việc công khai kết quả giải quyết TTHC

(1) *Về lĩnh vực môi trường*: Có 02 hồ sơ¹⁵ chậm công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, là thực hiện không đúng quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

(2) *Về lĩnh vực khoáng sản*: Có 05 hồ sơ¹⁶ chưa công khai kết quả giải quyết trên Cổng DVC của Bộ TN và MT, là thực hiện không đúng quy định tại Quyết định số 1868/QĐ-BTNMT ngày 24/8/2020 của Bộ TN và MT ban hành Quy chế tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

(3) *Về lĩnh vực biển và hải đảo*: Bộ TN và MT (Cục Biển và Hải đảo VN) chưa công khai kết quả giải quyết trên cổng DVC của Bộ đối với 02 hồ sơ¹⁷ xin cấp giấy phép nhận chìm, là thực hiện không đúng Quyết định số 1868/QĐ-BTNMT ngày 24/8/2020 của Bộ TN và MT về việc ban hành quy chế tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa; chưa ban hành thông báo hết hiệu lực đối với 02 Giấy phép nhận chìm hết hiệu lực (Giấy phép số 209/GP-BTNMT và Giấy phép số 219/GP-BTNMT), là thực hiện không đúng quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2.3. Về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

Theo báo cáo của Bộ TN và MT, giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT đã tiếp nhận và xử lý 3.742 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân.

Qua kiểm tra cho thấy:

Kiểm tra xác suất một số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức do Bộ TN và MT tiếp nhận trong Quý I/2021, Quý I/2022, Quý IV/2023 thấy, trong tổng

¹⁴Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho Công ty TNHH MTV tư vấn khoáng sản và xây dựng Phú Khang Nguyên (giải quyết quá hạn 05 ngày làm việc); cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho Công ty cổ phần địa chất thiết kế và xây dựng Mê Kông (từ chối giải quyết chậm 28 ngày làm việc); cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Thăng Long (giải quyết quá hạn 05 ngày làm việc).

¹⁵Dự án "Nhà máy nhôm Aluminum Hàn Việt - giai đoạn 1" (chậm 11 ngày); Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Quang Châu" (chậm 03 ngày).

¹⁶Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Đông Bắc thăm dò Puzolan tại khu vực Núi Lẻ, xã Quảng Thành, huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận thăm dò đá granit làm ốp lát khu vực núi Mavieck 5, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; Hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty Cổ phần tập đoàn Xuân Khiêm về thăm dò đá sét làm nguyên liệu xi măng tại xã Hữu Lợi, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình; Hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH Xây dựng thương mại Bất động sản Minh Nhật Phát khai thác đá granit làm ốp lát tại khu vực Đánh Thạnh, xã Bình Lộc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; Hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH khoáng sản và xây dựng HAT khai thác mỏ kaolin - feldspar tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

¹⁷Hồ sơ cấp giấy phép nhận chìm của Dự án "công trình nạo vét duy tu, luồng hàng hải Hải Phòng 2022-2025 (kênh Hà Nam-Bạch Đằng- Sông Cấm); Hồ sơ cấp Giấy phép nhận chìm ở biển cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

số 589 PAKN Bộ TN và MT đã tiếp nhận, có 164 PAKN trả lời đúng hạn, đạt tỷ lệ 28%, trả lời quá hạn là 425 PAKN, chiếm tỷ lệ 72%. Số lượng trả lời phản ánh kiến nghị của Bộ TN và MT bị chậm, quá hạn chiếm tỷ lệ lớn (72%).

Kiểm tra 194 văn bản trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, TTHC liên quan đến (1) lĩnh vực môi trường, có 56/194 văn bản trả lời quá hạn, chiếm 28,8%; tương tự như trên: (2) lĩnh vực khoáng sản có 81/147 văn bản trả lời quá hạn, chiếm tỷ lệ 55%; (3) lĩnh vực tài nguyên nước, có 01/48 văn bản trả lời quá hạn, chiếm tỷ lệ 2%; (4) lĩnh vực biển và hải đảo, có 03/4 văn bản trả lời quá hạn; (5) lĩnh vực đo đạc và bản đồ, có 08/178 văn bản trả lời quá hạn, chiếm 4,5%, là thực hiện không đúng quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/12/2008 về tiếp nhận xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Điều 45 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về việc cung cấp DVC

Theo báo cáo của Bộ TN và MT, Bộ đã thực hiện vận hành, cung cấp 91 DVC trực tuyến trên Cổng DVC trực tuyến của Bộ, trong đó có 44 DVC trực tuyến mức độ toàn trình (chiếm tỷ lệ 48,35%). Đã tích hợp, cung cấp 89/91 DVC trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia, đạt tỷ lệ 97,8%, sẵn sàng tích hợp thêm các DVC trực tuyến còn lại khi đủ điều kiện. Từ ngày 15/06/2021 đến ngày 30/11/2023, Bộ TN và MT đã tiếp nhận, xử lý tổng số 5.403 hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử theo hình thức DVC trực tuyến.

Qua kiểm tra cho thấy:

Năm 2021, 2022, Bộ TN và MT đã tích hợp DVC trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng DVC quốc gia lần lượt năm 2021 là 47/108 dịch vụ, đạt tỷ lệ 43,51% và năm 2022 là 48/95 dịch vụ, đạt tỷ lệ 50,5% đều không đạt yêu cầu của Chính phủ là cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3, 4 trong năm 2021 đạt tỷ lệ 50% và năm 2022 đạt tỷ lệ 70% (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và năm 2022). Đối với TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia năm 2022, 2023, Bộ TN và MT báo cáo đã thực hiện là 37/37 TTHC, đạt tỷ lệ 100%; tuy nhiên, qua kiểm tra, kết quả thực hiện chỉ là 2/37 TTHC, đạt tỷ lệ 5,41% (theo quy định pháp luật thì ngoài hình thức thanh toán trực tuyến vẫn còn hình thức thanh toán khác nên tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt thấp).

Bộ TN và MT chưa triển khai cung cấp DVC trực tuyến đối với một số TTHC (lĩnh vực môi trường), là thực hiện không đúng quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Việc tiếp nhận và trả kết quả cấp giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống DVC trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ...”; khoản 1 và khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định: “Việc cấp đổi giấy phép môi trường... thông qua hệ thống DVC trực tuyến mức độ 4 của cơ quan cấp phép hoặc cơ quan được ủy quyền... Việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện trong thời hạn 15 ngày... thông qua hệ thống DVC trực tuyến mức độ 4...”.

4. Một số bất cập về cơ chế, chính sách

- *Đối với Luật Bảo vệ môi trường 2020*: Tại khoản 1 Điều 31 Luật BVMT 2020 quy định việc đánh giá ĐTM do chủ dự án đầu tư thực hiện hoặc thông qua đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện, tuy nhiên chưa quy định điều kiện cụ thể là như thế nào (năng lực, kinh nghiệm...) đối với các đơn vị tư vấn xây dựng báo cáo ĐTM. Việc quy định chủ dự án tự rà soát báo cáo ĐTM, dẫn đến chủ dự án xin rút, hoãn nhiều lần, từ đó gây khó khăn cho cơ quan thẩm định, kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ.

- *Đối với Luật Khoáng sản*: (1) Tại Điều 47 và Điều 59 Luật Khoáng sản quy định doanh nghiệp nộp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Quy định này không còn phù hợp vì thành phần hồ sơ này có thể tra cứu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; (2) Tại điểm b khoản 1 Điều 53: "*không chia cắt mỏ có thể đầu tư quy mô lớn hiệu quả để cấp cho nhiều tổ chức cá nhân khai thác ở quy mô nhỏ*" là chưa cụ thể, thiếu định lượng. Do đó, thực tế, không thể định lượng quy mô "lớn", "nhỏ" đối với các loại khoáng sản để đối chiếu, thực hiện.

- Tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định một số giấy tờ là thành phần hồ sơ khi thực hiện TTHC cấp giấy phép môi trường đối với tổ chức, cá nhân, như: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương, bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Quy định này đã không còn phù hợp, vì các loại giấy tờ này, cơ quan giải quyết tự tra cứu thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đang quy định về thành phần hồ sơ thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bao gồm 04 thành phần hồ sơ. Tuy nhiên, tại Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép, trong phần giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn lại phát sinh các thành phần hồ sơ sau: (1) Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (đối với trường hợp công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia); (2) Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan. Quy định này (i) không thống nhất về quy định thành phần hồ sơ; (ii) Không phù hợp với quy định tại điểm g khoản 3 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về việc "*Mẫu đơn, tờ khai không được yêu cầu thêm điều kiện, hồ sơ, giấy tờ không có trong quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó*"; (iii) Quy định về "*Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan*" là không cụ thể, có thể dẫn đến sự tùy nghi trong triển khai thực hiện, dễ phát sinh thêm các thành phần hồ sơ không cần thiết trong giải quyết TTHC (ngày 16/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thay thế Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023).

- *Đối với Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết thi*

hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: (1) Tại khoản 1 điểm d Điều 54 về hồ sơ cấp giấy phép nhận chìm ở biển yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là không phù hợp. (2) Tại khoản 2 Điều 57 quy định về việc thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nhận chìm ở biển không thống nhất về ngày, ngày làm việc trong các giai đoạn giải quyết hồ sơ: thời hạn thẩm định không quá 60 ngày đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển, thời hạn trình hồ sơ cấp phép không quá 07 ngày làm việc, thời hạn xem xét ra quyết định cấp phép không quá 07 ngày làm việc; việc quy định "*Trường hợp cần thiết cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa...*" là chưa cụ thể, cần quy định rõ hơn, quy định cách tính thời gian không thống nhất.

- Tại điểm b khoản 4 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021) quy định trả giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức qua dịch vụ bưu chính. Quy định này làm hạn chế sự lựa chọn của đối tượng thực hiện và cũng chưa phù hợp trong trường hợp hồ sơ được nộp qua môi trường điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, theo đó trường hợp hồ sơ nộp qua môi trường điện tử thì phải đồng thời trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử cho tổ chức, cá nhân tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân.

- Tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT) quy định: "*Trường hợp cần thiết, cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép ...; tổ chức kiểm tra thực tế... hoặc đề nghị cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên nước địa phương ... tiến hành kiểm tra thực tế*". Các quy định này không cụ thể, chưa rõ ràng, cần quy định rõ trường hợp nào thì phải kiểm tra thực tế, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

- Tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN và MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định: đối với trường hợp kết quả thẩm định báo cáo ĐTM thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung nhưng chủ dự án đầu tư vẫn phải thực hiện thủ tục đề nghị phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án theo quy định và nộp lại Văn phòng một cửa của Bộ TN và MT như lần đầu. Quy định này làm phát sinh thêm thủ tục và thời gian giải quyết TTHC đối với tổ chức, cá nhân, làm phát sinh thêm thủ tục và thời gian giải quyết TTHC đối với tổ chức, cá nhân.

III. KẾT LUẬN

Bộ TN và MT là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: đất đai; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; tài nguyên nước; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ... Bộ TN và MT có 89 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

Trong giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT đã hoàn thành 76/85 văn bản QPPL (03 luật, 17 nghị định, 59 thông tư, 06 quyết định); 100% kết quả giải quyết TTHC đều được trình ký số; tiếp nhận và xử lý 3.742 phản ánh, kiến nghị của tổ chức cá nhân trên Cổng DVC quốc gia, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ TN và MT; tích hợp, cung cấp 89/91 DVC trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia và tiếp nhận, xử lý tổng số 5.403 hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử theo hình thức DVC trực tuyến... Tuy nhiên, trong công tác CCHC, giải quyết TTHC, cung cấp DVC cho người dân và doanh nghiệp, Bộ TN và MT vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, khuyết điểm.

Nguyên nhân khách quan: Đại dịch Covid-19 có tác động toàn diện, ảnh hưởng nghiêm trọng tới toàn bộ đời sống kinh tế-xã hội, tâm lý của cán bộ, công chức, mặt khác các lĩnh vực Bộ TN và MT được giao quản lý nhà nước, có nhiều ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới đời sống kinh tế, xã hội, thường xuyên phát sinh các phản ánh kiến nghị từ cơ sở (đất đai, môi trường...); nhiều Văn bản quy pháp pháp luật tại một số lĩnh vực, có nội dung chưa thống nhất, mâu thuẫn với nhau, khó thực hiện. Bên cạnh đó, Bộ TN và MT có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ (giải thể 04 Tổng cục, thành lập, sáp nhập và chia tách một số Vụ, Cục quản lý lĩnh vực chuyên môn), ảnh hưởng đến quá trình giải quyết TTHC, cung cấp DVC...

Nguyên nhân chủ quan: Bộ TN và MT chỉ đạo thiếu quyết liệt đối với công tác xây dựng văn bản QPPL trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền; chậm triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; chậm trình Thủ tướng Chính phủ phương án rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên như: thủ tục phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, đất quốc phòng-an ninh). Chậm công bố danh mục TTHC theo quy định đối với một số lĩnh vực (đất đai, môi trường và tài nguyên nước, khoáng sản, biển và hải đảo); chưa kịp thời rà soát, kiến nghị Chính phủ hoặc theo thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ một số TTHC cho phù hợp...

Cụ thể như sau:

(1) *Về công tác quản lý nhà nước trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC cho người dân và doanh nghiệp:*

Trong giai đoạn 2021-2023, Bộ TN và MT chỉ đạo thiếu quyết liệt trong công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, cũng như kế hoạch của Bộ TN và MT nên kết quả thực hiện chậm và bị quá hạn cao, chiếm 41,1%; chậm ban hành Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 721/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết TTHC và chậm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC có liên quan nên việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, đạt 86%; chưa tham vấn các hiệp hội, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh và quy định dự kiến ban hành trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chưa thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc đánh giá tác động TTHC trong quá trình đề nghị xây dựng, soạn thảo dự án, dự thảo văn bản QPPL, vì vậy chưa đánh giá được sự cần thiết, hợp

lý, hợp pháp các chi phí tuân thủ TTHC, là một trong những nguyên nhân gây nên sự không đồng bộ của hệ thống pháp luật, phát sinh các TTHC không cần thiết, phức tạp, rườm rà, khó thực hiện...; chậm ban hành (hơn 7 tháng) các Quyết định công bố TTHC nội bộ đối với một số lĩnh vực (đất đai, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu); chưa kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên như thủ tục phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất (cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, đất quốc phòng-an ninh); chậm ban hành công bố Danh mục TTHC đối với một số lĩnh vực theo quy định, chiếm 23% (đất đai, môi trường và tài nguyên nước, khoáng sản, biển và hải đảo); chưa tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định và của Bộ Tư pháp trong xây dựng văn bản QPPL...; chưa thực hiện thanh tra chuyên đề về trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức trong CCHC, giải quyết TTHC, cung cấp DVC để phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời.

(2) Về việc giải quyết TTHC:

Việc Bộ TN và MT bố trí thường xuyên 03 công chức làm việc tại Văn phòng Một cửa để tiếp nhận, rà soát, thông kê, báo cáo tình hình và kết quả giải quyết TTHC, không phù hợp với quy định tại Điều 10 và Điều 13 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Mặt khác, công chức tại Văn phòng Một cửa chưa thực hiện việc số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP; việc trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp bị quá hạn cao, chiếm tỷ lệ 72% (Quý I/2021, Quý I/2022, Quý IV/2023) nên chưa kịp thời nắm bắt được những bất cập về cơ chế, chính sách, trách nhiệm, thái độ ứng xử của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp DVC... từ đó, rà soát TTHC để sửa đổi, bổ sung, chấn chỉnh cho phù hợp, giải quyết những bức xúc cho người dân và doanh nghiệp...; không thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên đề trách nhiệm công chức trong giải quyết TTHC, dẫn đến, việc số hóa hồ sơ TTHC chỉ đạt 30%; việc tiếp nhận hồ sơ TTHC trực tuyến thấp, đạt 35,1%; việc giải quyết TTHC bị quá hạn cao, chiếm 7,15%.

Tại một số lĩnh vực phát sinh nhiều TTHC của người dân và doanh nghiệp như: môi trường, khoáng sản, biển và hải đảo, tài nguyên nước, đồ đạc bản đồ, việc giải quyết TTHC đều có tồn tại, hạn chế, khuyết điểm, cụ thể như sau:

Việc tiếp nhận, trả lời PAKN còn chậm, bị quá hạn cao (lĩnh vực môi trường trả lời quá hạn, chiếm 28,8%; lĩnh vực khoáng sản, chiếm tỷ lệ 55%; lĩnh vực biển và hải đảo, chiếm 75%...), là thực hiện không đúng quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP và Điều 45 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg; việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến đạt kết quả thấp (lĩnh vực môi trường, đạt 3,8%; lĩnh vực khoáng sản, biển và hải đảo đạt 0%...); chưa kịp thời điều chỉnh, cắt bỏ, đơn giản hóa điều kiện, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện. Ví dụ như: một số hồ sơ TTHC vẫn còn quy định phải có bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... nhưng Bộ TN và MT chưa kịp thời rà soát, kiến nghị Chính phủ hoặc theo thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; thời gian giải quyết TTHC các lĩnh vực trên đều chậm, trong đó lĩnh vực khoáng sản có hồ sơ giải quyết chậm 140 ngày (cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty cổ phần Nam Châu Sơn Ninh Thuận); một số lĩnh vực (môi trường, khoáng sản, biển và hải đảo) chậm công khai kết quả giải quyết TTHC theo quy định.

(3) Về việc cung cấp DVC:

Bộ TN và MT thực hiện tích hợp DVC trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng DVC quốc gia còn chậm (năm 2021 đạt tỷ lệ 43,51%/yêu cầu 50% và năm 2022, đạt tỷ lệ 50,5%/ yêu cầu là 70%); đối với TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia năm 2022, 2023, đạt tỷ lệ 5,41% (do ngoài hình thức thanh toán trực tuyến vẫn còn hình thức thanh toán khác nên tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt thấp). Chưa triển khai cung cấp DVC trực tuyến đối với một số TTHC lĩnh vực môi trường.

Từ các tồn tại, hạn chế, khuyết điểm nêu trên, dẫn đến Bộ TN và MT thực hiện giải quyết TTHC, cung cấp DVC cho người dân và doanh nghiệp theo hình thức trực tuyến ở mức thấp, người dân và doanh nghiệp còn mất thời gian đi lại, gặp trực tiếp cơ quan nhà nước để giải quyết TTHC và mất thời gian chờ đợi do giải quyết TTHC chậm, quá hạn... Trách nhiệm thuộc về Bộ TN và MT, các đơn vị thuộc Bộ liên quan.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị các biện pháp xử lý như sau:

1. Về cơ chế, chính sách

- Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan:

+ *Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung một số điều của một số luật, cụ thể như sau:*

(1) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung những bất cập của Luật Khoáng sản 2010 đối với một số quy định về nguyên tắc, trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn cấp giấy phép thăm do, khai thác khoáng sản...

(2) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường, trong đó quy định cụ thể về năng lực, kinh nghiệm... đối với các đơn vị tư vấn xây dựng báo cáo ĐTM và việc chủ dự án tự rà soát báo cáo ĐTM.

+ *Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành nghiên cứu, đề xuất Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung một số nghị định, cụ thể như sau:*

(1) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về thành phần hồ sơ trong thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với các loại giấy tờ kèm theo như: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương, bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (quy định tại Phụ lục VIII, IX, X, XI, XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

(2) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2016/NĐ đối với hồ sơ cấp phép yêu cầu phải có bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quy định về thời hạn đối với các giai đoạn cấp phép và quy định về quy trình kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm ở biển.

(3) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2019/NĐ-CP, trong đó, quy định mở rộng các hình thức trả kết quả cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.

- Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Bộ TN và MT nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT đối với trường hợp kết quả thẩm định báo cáo ĐTM thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung thì chủ dự án đầu tư không cần thực hiện lại thủ tục đề nghị phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án...; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT quy định trường hợp cụ thể phải kiểm tra thực tế, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

2. Về kiểm điểm, xử lý trách nhiệm

Căn cứ Kết luận thanh tra và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

Tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm nêu tại phần kết quả và Kết luận thanh tra. Trong đó, cần làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc chậm ban hành các văn bản QPPL; chậm thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử; chậm trả lời các phản ánh, kiến nghị và chậm trễ trong giải quyết TTHC và cung cấp DVC cho người dân và doanh nghiệp...

3. Về biện pháp khắc phục

Bộ TN và MT, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; bố trí đầy đủ nguồn lực để tổ chức vận hành bộ phận một cửa và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC... báo cáo Thủ tướng Chính phủ; thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên đề trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Kết luận thanh tra, Bộ TN và MT kiểm tra, rà soát, kiểm điểm, xem xét xử lý nghiêm cán bộ, công chức cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. / *Khai*

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgTT Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Phó Tổng Thanh tra CP Lê Sỹ Bảy;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục V; Vụ KII-TH;
- Lưu: VT, Vụ I, HS Đoàn thanh tra (VQC- 11b).

Tài liệu được sao, chụp theo quy định

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lê Sỹ Bảy



TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ CHỈNH SÁCH, PHÁP LUẬT HOẶC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

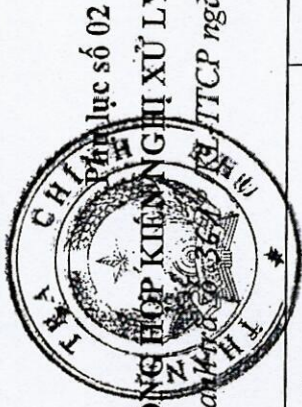
(Kèm theo Kết luận thành tra số 364/KL-TP ngày 30/9/2024 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về Văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Số văn bản	ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	
1	2	3	4	5	6
I	KIẾN NGHỊ BÀI BỎ				
II	KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG				
1	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung những bất cập của Luật Khoáng sản 2010 đối với một số quy định về nguyên tắc, trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ, thời hạn cấp giấy phép thăm do, khai thác khoáng sản....	Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12	17/11/2010	Quốc hội khóa 12	
2	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường 2020, trong đó quy định cụ thể về năng lực, kinh nghiệm... đối với các đơn vị tư vấn xây dựng báo cáo ĐTM và việc chủ dự án tự rà soát báo cáo ĐTM	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Ngày 17/10/2020	Quốc hội khóa 14	
	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP về thành phần hồ sơ trong thủ tục cấp giấy phép môi trường đối với các loại giấy tờ kèm theo như: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương, bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (quy định tại Phụ lục VIII, IX, X, XI, XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	10/01/2022	Chính phủ	
	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2016/NĐ đối với hồ sơ cấp phép yêu cầu phải có bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký	Nghị định số 40/2016/NĐ	Ngày 15/5/2016	Chính phủ	

Handwritten signature/initials

	doanh nghiệp, quy định về thời hạn đối với các giai đoạn cấp phép và quy định về quy trình kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm ở biển.				
	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2019/NĐ-CP, trong đó, quy định mở rộng các hình thức trả kết quả cấp giấy phép hoạt động do đặc và bản đồ để tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp.	Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	Ngày 13/3/2019	Chính phủ	
	Bộ TN và MT nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung và ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT đối với trường hợp kết quả thẩm định báo cáo ĐTM thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung thì chủ dự án đầu tư không cần thực hiện lại thủ tục đề nghị phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án...; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT quy định trường hợp cụ thể phải kiểm tra thực tế, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.	Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT	Ngày 10/01/2022 Ngày 12/7/2014	Bộ Tài nguyên và Môi trường Bộ Tài nguyên và Môi trường	
III	KIỆN NGHỊ BAN HÀNH MỚI				

Đan



TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 36/KL-TTCTP ngày 30/9/2024 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển Cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
1	2	3	4	5	6	7
1	- Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Các cục, vụ: Vụ Môi trường, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Cục Khoáng sản Việt Nam, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ, Cục Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Cục Quản lý tài nguyên nước	Tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm nêu tại phần kết quả và Kết luận thanh tra. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc chậm ban hành các văn bản QPPL; chậm thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử; chậm trả lời các phản ánh, kiến nghị và chậm trễ trong giải quyết TTHC và cung cấp DVC cho người dân và doanh nghiệp...	X			

Handwritten signature